

TOÁN – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 1

Câu 1: Em hãy cho biết bài đầu tiên của sách toán Kết nối là bài gì?

.....

Câu 2: Em hãy viết các số từ 0 đến 5?

.....

Câu 3: Từ 0 đến 5 có bao nhiêu số ?

A. 4 số

B. 5 số

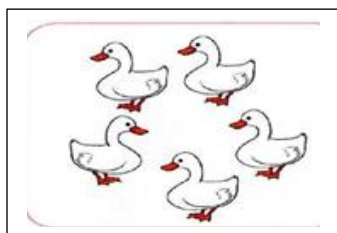
C. 6 số

Câu 4: Em hãy viết các số 0, 1, 2, 3, 4, 5

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Câu 5: Số?

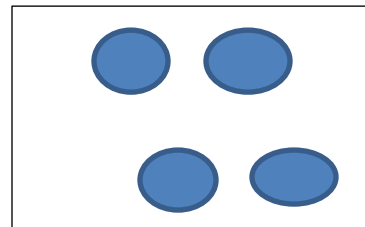
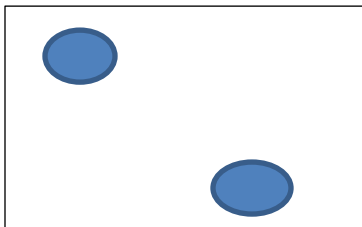


Câu 6: Viết tiếp

0, 1,, 2, 5

....., 4,,, 1

Câu 7: Vẽ tiếp để mỗi ô trống có kết quả bằng 5



Câu 8: Quan sát hình và cho biết



Cócon bướm

Cócái cây

Cócon sư tử

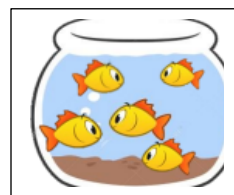
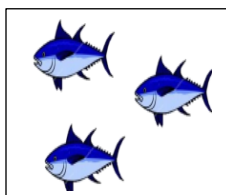
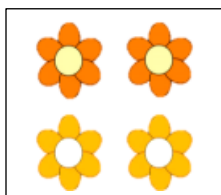
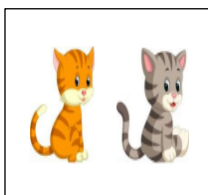
Cócon khỉ

Bức tranh có tất cảcon vật

Câu 9: Trên Ô tô có 1 bao lúa. Bé muốn có 4 bao lúa thì ô tô phải chở thêm mấy bao nữa?

Trả lời: Thêmbao lúa

Câu 11: Đếm và viết số thích hợp



Câu 11: Trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5

Số bé nhất là:

Số lớn nhất là:

Sốđứng giữa số 3 và số 5 là:.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 2

Câu 1: Em hãy viết các số từ số 6 đến số 10

.....

Câu 2: Em hãy viết các số từ số 0 đến số 10:

.....

Câu 3: Từ số 6 đến số 10 có tất cả mấy số ?

A. 6 số

B. 7 số

C. 5 số

Câu 4: Viết các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10

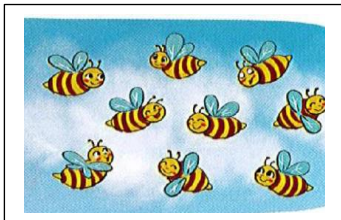
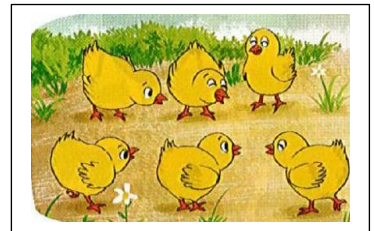
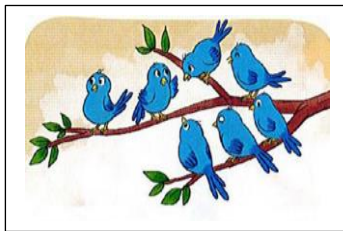
+ Theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé :

.....

Câu 5: Số?



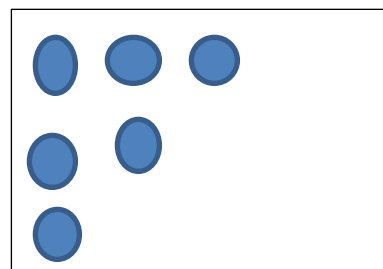
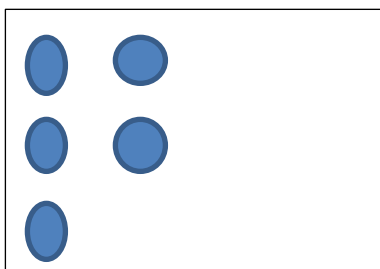
Câu 6: Với các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10

- + Số lớn nhất trong dãy số trên là:.....
- + Số lớn nhất có 1 chữ số là:
- + Số bé nhất là:
- + Từ số 0 đến số 10 có tất cả bao nhiêu số:
- + Em hãy viết các số lẻ:
- + Em hãy viết các số chẵn:
- + Số đứng sau số 7 là số:
- + Số đứng trước số 4 là số:
- + Số đứng giữa số 5 và số 7 là số:
- + Có bao nhiêu số đứng trước số 5:số. Đó là số:
- + Có bao nhiêu số đứng sau số 7:.....số. Đó là số:...

Câu 7: Vẽ thêm các ngôi sao để mỗi ô vuông có kết quả bằng 9.



Câu 8: Vẽ thêm các hình tròn để mỗi ô vuông có kết quả bằng 10



Câu 9: Cho thêm cá vào bình để trong bình có 7 con cá.

A.4 con cá

B.5con cá

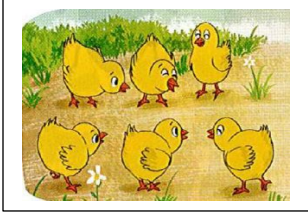
C.6 con cá



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 3

NHIỀU HƠN – ÍT HƠN

Câu 1: Quan sát, và khoanh tròn vào ý đúng



- A. Số gà nhiều hơn số ong.
- B. Số ong nhiều hơn số gấu.
- C. Số gấu nhiều hơn số gà
- D. Số gấu ít hơn số gà.
- E. Số ong nhiều hơn số gà
- F. Số gấu nhiều nhất trong ba con.
- G. Số ong nhiều nhất trong ba con.

Câu 2: Quan sát tranh và làm theo yêu cầu



Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**

- A. Số con vịt nhiều hơn số con thỏ
- B. Số con vịt ít hơn số con thỏ
- C. Số cái cây nhiều hơn số đám mây
- D. Số đám mây ít hơn số cái cây

E.Số con vịt nhiều hơn số cái cây

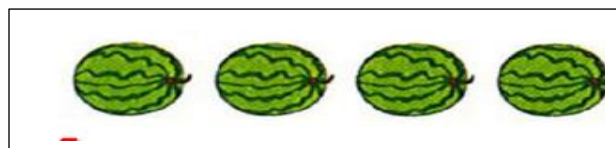
F.Số con thỏ ít hơn số đám mây

Câu 3: Quan sát tranh và cho biết:



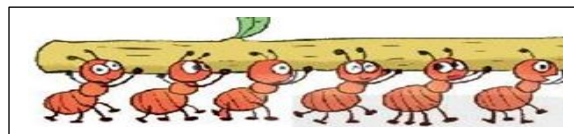
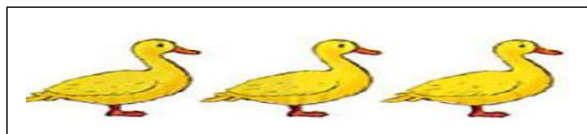
Số quả ổi nhiều hơn hay số xoài nhiều hơn?.....

Câu 4: Khoanh tròn câu trả lời đúng?



Số quả cam.....số quả dưa hấu ? A.Nhiều hơn B.Ít hơn C. Bằng

Số quả dưa hấu.....số quả cam? A.Nhiều hơn B.Ít hơn C. Bằng



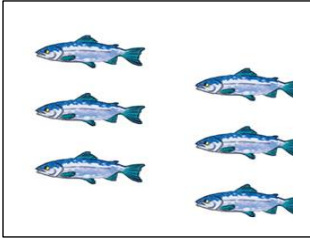
Số con vịtsố con kiến ? A.Nhiều hơn B.Ít hơn C. Bằng

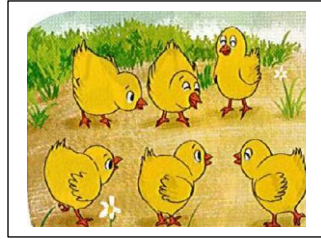
Số con kiếnsố con vịt ? A.Nhiều hơn B.Ít hơn C. Bằng

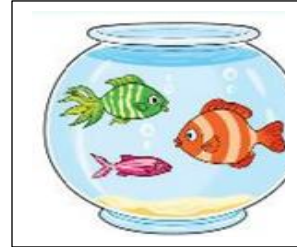
FACE BOOK: BẢO YẾN để nhận file gốc

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 4: SO SÁNH SỐ

Câu 1: So sánh









Câu 2: Nối số?

< 3

> 8

= 4

< 10

3

6

9

7

3

4

9

7

Câu 3: Nối số?

< 4

> 2

= 2

< 8

2

5

9

7

2

4

10

7

Câu 4: Nối số

= 6

< 1

> 4

< 7

7

6

1

0

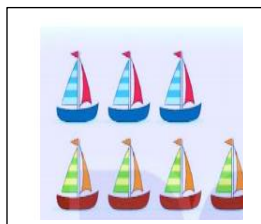
6

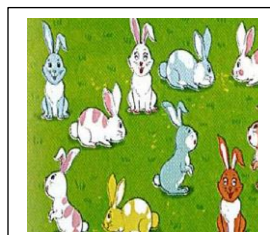
1

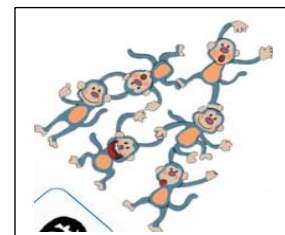
4

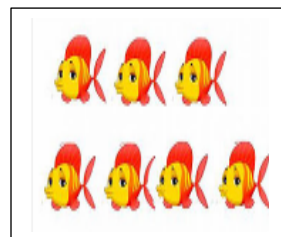
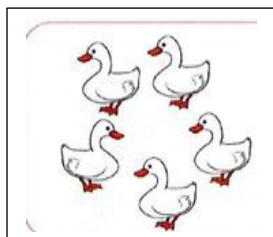
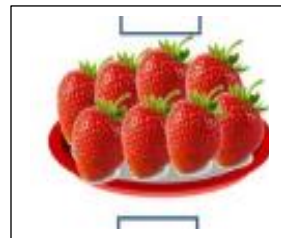
10

Câu 5: Điền < > =









Câu 6: Điền > < =

7 6

8 4

1 2

3 7

8 4

10 10

Câu 7.Viết dấu <, >, = vào chỗ chấm.

1 2

3 ... 1

3 ... 4

3 ... 3

5 ... 2

5 ... 2

5 ... 4

2 ... 3

1 ... 5

2 ... 5

4 ... 1

4 ... 4

4 ... 3

5 ... 5

2 ... 3

3 5

1 4

3 1

Câu 8.Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$3 < \dots < 5$	$6 < \dots < 8$	$6 > \dots > 4$
$10 > \dots > 8$	$8 > \dots > 6$	$5 < \dots < 7$
$4 < \dots < 6$	$1 < \dots < 3$	$3 > \dots > 1$
$0 < \dots < 2$	$9 > \dots > 7$	$8 < \dots < 10$
$6 > \dots > 4$	$2 < \dots < 4$	$5 > \dots > 3$

Câu 9. Chi có số bút nhiều hơn 6 nhưng lại ít hơn 8. Vậy Chi có số bút là:

A. 10 cái

B. 2 cái

C. 7 cái

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 5 : ĐẾM ĐẾN 10

Câu 1: Số

10			7			4			1	
----	--	--	---	--	--	---	--	--	---	--

0				4					9	
---	--	--	--	---	--	--	--	--	---	--

Câu 2: Viết các số 2, 5, 1, 8, 3

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

Câu 3: 7 gồm mấy và mấy ?

A. 3 và 4

B. 3 và 1

C.3 và 3

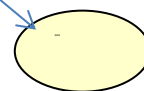
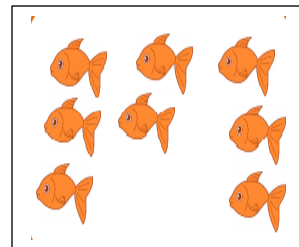
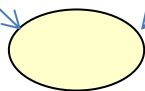
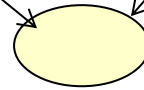
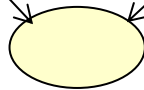
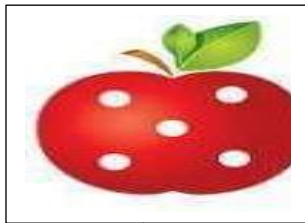
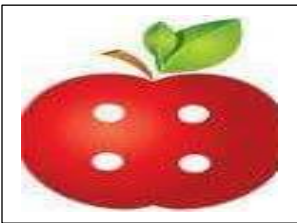
Câu 4: 6 và 2 được mấy ?

A. 9

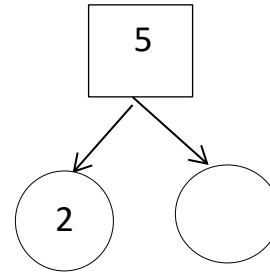
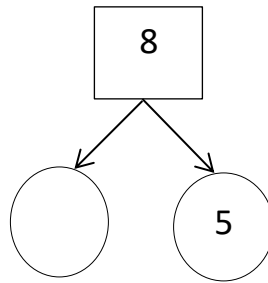
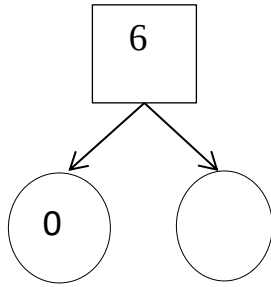
B. 8

C.7

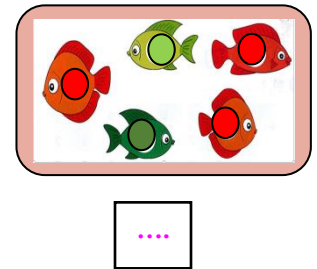
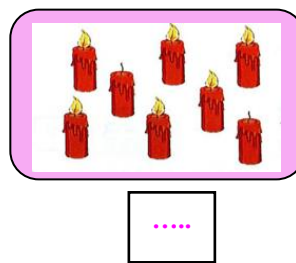
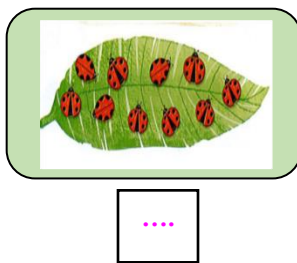
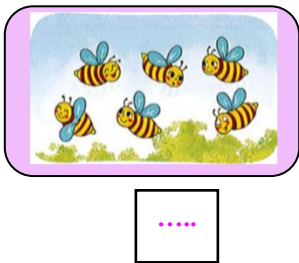
Câu 5: Số



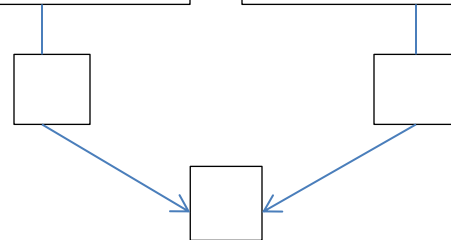
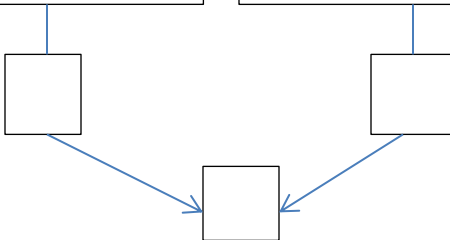
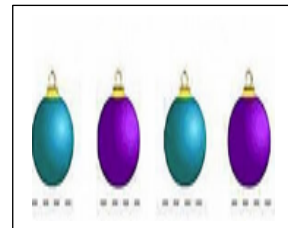
Câu 6: Số ?



Câu 7: Số



Câu 8: Số?



Câu 9: Số.



 và  được 



Câu 10. Số cần điền tiếp vào dãy số 4,, 2,, 0 là:

A. 3, 1

B. 1, 3

C. 5, 3

Câu 11: Từ 0 đến 10 có mấy số bé hơn 6 ?

A. 5 số

B. 6 số

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 5 : ĐẾM ĐẾN 10

Câu 1: Số

10			7			4			1	
----	--	--	---	--	--	---	--	--	---	--

0				4					9	
---	--	--	--	---	--	--	--	--	---	--

Câu 2: Viết các số 2, 5, 1, 8, 3

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn.....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

Câu 3: 7 gồm mấy và mấy ?

A. 3 và 4

B. 3 và 1

C. 3 và 3

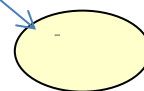
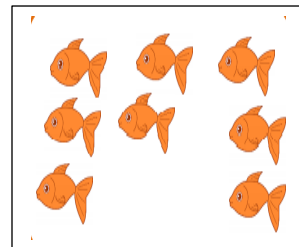
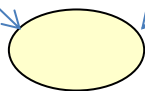
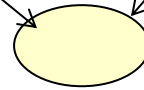
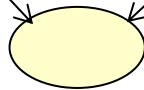
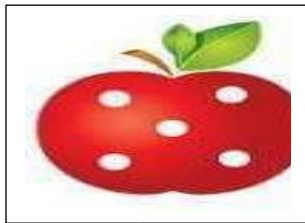
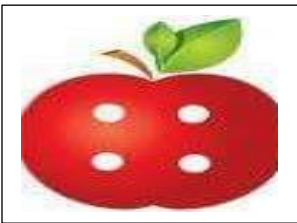
Câu 4: 6 và 2 được mấy ?

A. 9

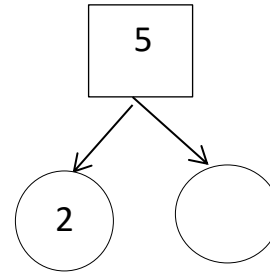
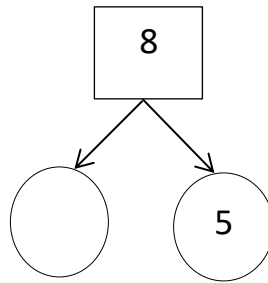
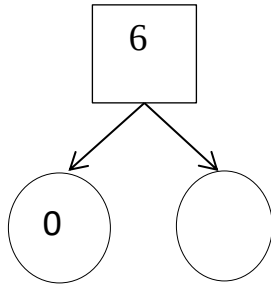
B. 8

C. 7

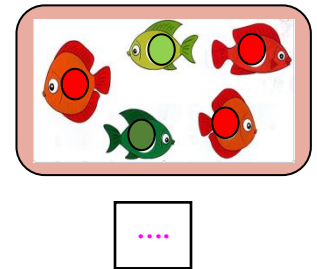
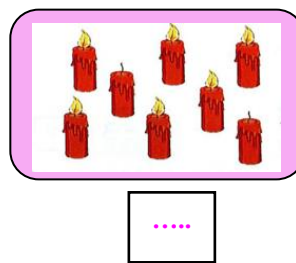
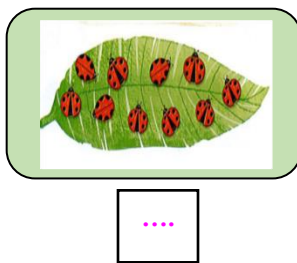
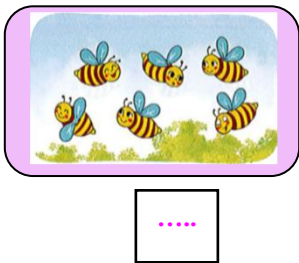
Câu 5: Số



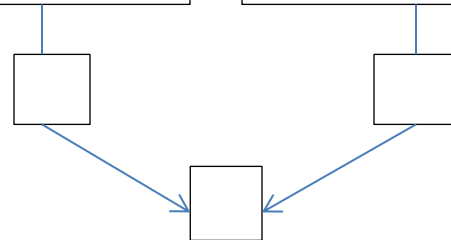
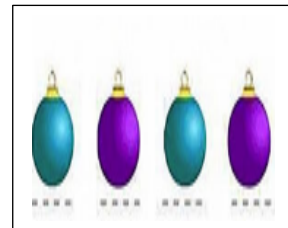
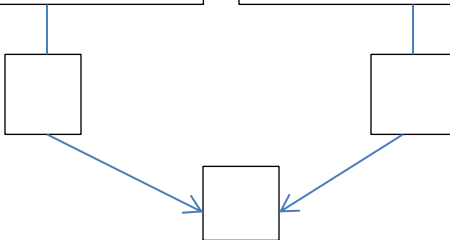
Câu 6: Số ?



Câu 7: Số



Câu 8: Số?



Câu 9: Số.



 và  được 



Câu 10. Số cần điền tiếp vào dãy số 4,, 2,, 0 là:

A. 3, 1

B. 1, 3

C. 5, 3

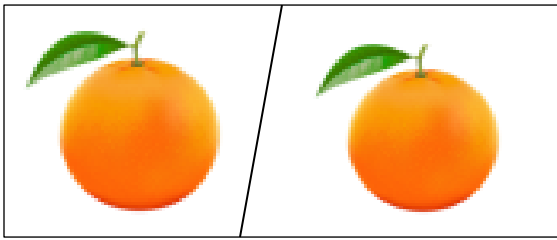
Câu 11: Từ 0 đến 10 có mấy số bé hơn 6 ?

A. 5 số

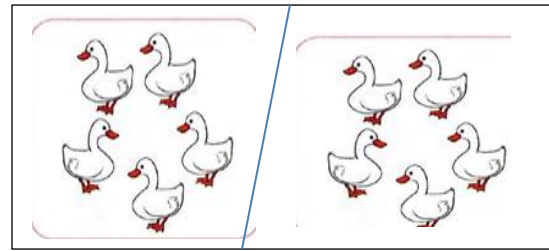
B. 6 số

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 7: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

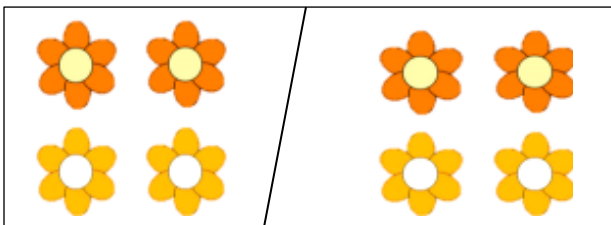
Câu 1: Số.



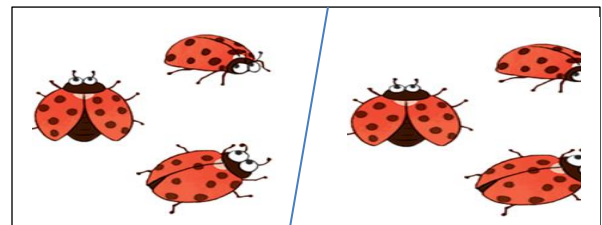
$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

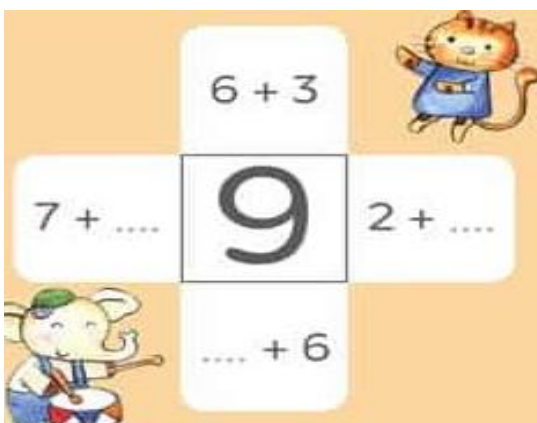
Câu 2: Điền số thích hợp và chỗ chấm

2 và 5 được	7 gồmvà	$1 + 4 = \dots\dots\dots$
8 và 1 được	9 gồm 5 và	$6 + 3 = \dots\dots\dots$
1 và 2 được	6 gồmvà 1	$7 + 0 = \dots\dots\dots$

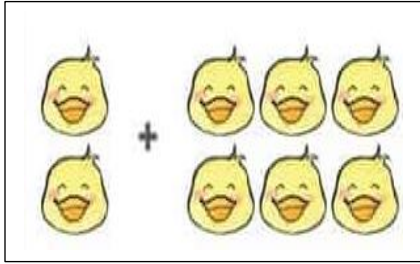
Câu 3: Nhà Na có 2 con gà, mẹ mua thêm 4 con.Hỏi nhà Na có mấy con gà?

A.5 con gà B.6 con gà C. 7 con gà

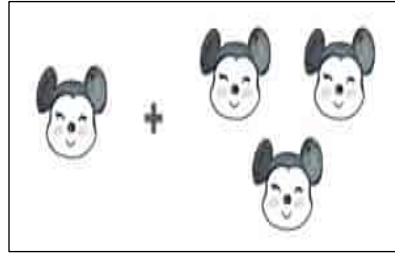
Câu 4: Số



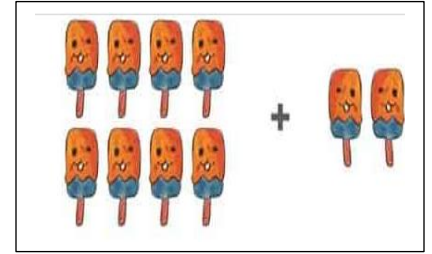
Câu 5: Số?



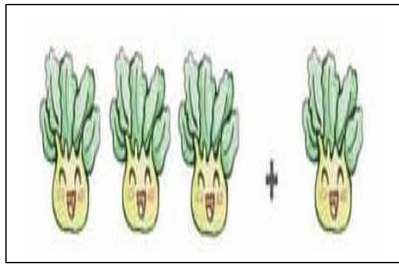
$$\square + \square = \square$$



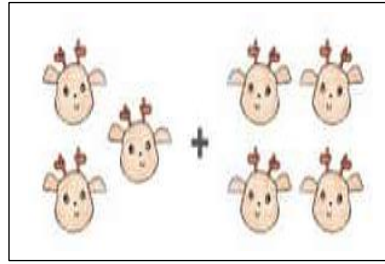
$$\square + \square = \square$$



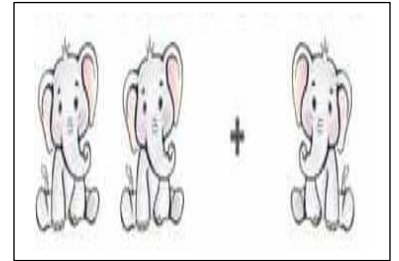
$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

Câu 6: Tính

$5 + 5 = \dots$

$9 + 1 = \dots$

$1 + 2 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$1 + 9 = \dots$

$1 + 3 = \dots$

$4 + 5 = \dots$

$3 + 7 = \dots$

$4 + 4 = \dots$

$7 + 3 = \dots$

$5 + 3 = \dots$

$5 + 5 = \dots$

$1 + 8 = \dots$

$2 + 8 = \dots$

$10 + 0 = \dots$

$0 + 10 = \dots$

$4 + 6 = \dots$

$9 + 0 = \dots$

Câu 7: Số



$$\square$$



$$\square$$



$$\square$$

Câu 8: Điền $> < =$

$1 + 3 \dots 6 + 3$

$5 + 1 \dots 5 + 0$

$8 \dots 7 + 1$

$9 + 1 \dots 4 + 3$

$1 + 8 \dots 1 + 3$

$5 \dots 4 + 2$

$3 + 4 \dots 6 + 2$

$6 + 3 \dots 9 + 0$

$3 \dots 7 + 1$

$1 + 5 \dots 4 + 3$

$8 + 1 \dots 9 + 1$

$8 \dots 9 - 6$

$1 + 2 \dots 6 + 4$

$10 + 0 \dots 10 + 0$

$10 \dots 7 + 3$

Câu 9: Nối các phép tính có kết quả bằng nhau?

$6 + 1$

$3 + 3$

$4 + 2$

$6 + 3$

$5 + 1$

$3 + 4$

$9 + 0$

$5 + 1$

Câu 10: Cho dãy số sau: 0; 2; 3; 4; 7; 8; 10

a. Em hãy viết các phép tính cộng có kết quả bằng 10 :

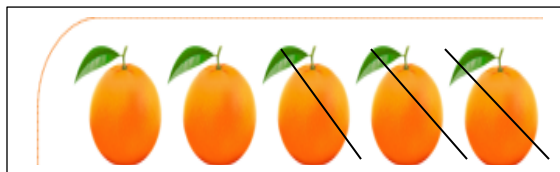
.....
.....

b. Em hãy viết các cặp phép tính có kết quả bằng nhau

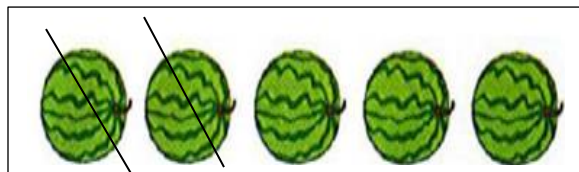
.....
.....
.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 8:
PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

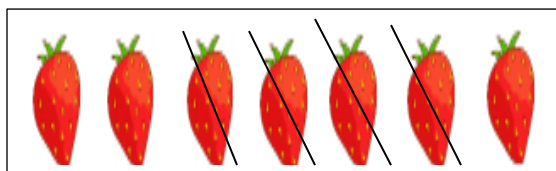
Câu 1: Số?



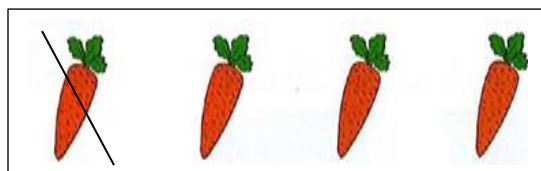
$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$



$$\square - \square = \square$$

Câu 2: Với các số 1, 4, 5 em hãy lập các phép tính trừ, cộng phù hợp

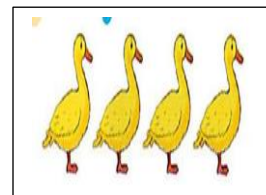
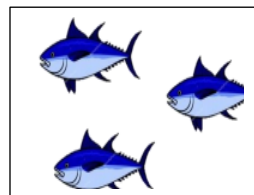
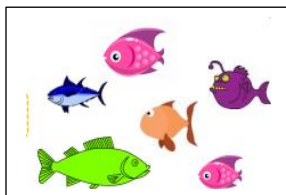
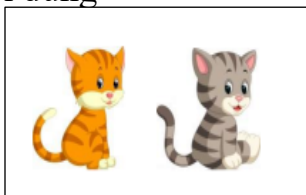
--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Câu 3: Nối đúng



$$9 - 3$$

$$6 - 4$$

$$10 - 6$$

$$7 - 4$$

Câu 4: Tính

$10 - 5 =$

$6 - 3 =$

$5 - 5 =$

$7 - 3 =$

$9 - 8 = ...$

$10 - 10 =$

$9 - 1 = ...$

$10 - 9 = ...$

$7 - 3 = ...$

$5 - 3 = ...$

$8 - 2 =$

$6 - 4 =$

$5 - 2 = ...$

$3 - 3 =$

$4 - 1 =$

$5 - 3 =$

$10 - 0 =$

$9 - 6 =$

Câu 5:Đánh dấu nhân vào ô trống ghi phép tính có kết quả lớn hơn 4

$6 - 0$

$8 - 2$

$4 - 3$

$10 - 7$

$10 - 6$

$9 - 1$

☐☐☐☐☐☐

Câu 6: Tính .

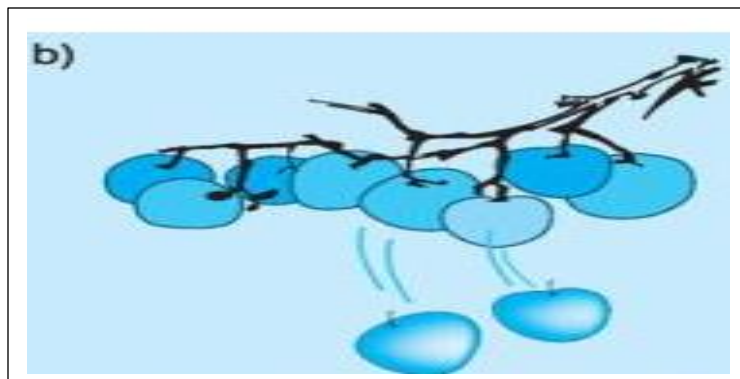
$9 + 1 - 3 =$

$4 - 1 - 1 =$

$4 + 2 + 2 =$

$8 - 0 - 6 =$

Câu 7: Quan sát tranh –lập phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 9:

BẢNG CỘNG BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Câu 1: Tính

$7 + 3 = \dots\dots$

$1 + 6 = \dots\dots$

$3 + 3 = \dots\dots$

$8 - 5 = \dots\dots$

$7 - 2 = \dots\dots$

$10 - 6 = \dots\dots$

$9 + 1 = \dots\dots$

$3 + 4 = \dots\dots$

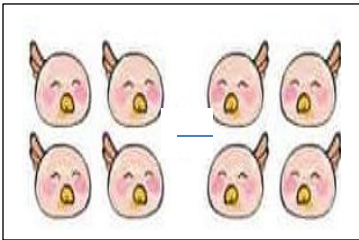
$9 - 7 = \dots\dots$

$8 - 4 = \dots\dots$

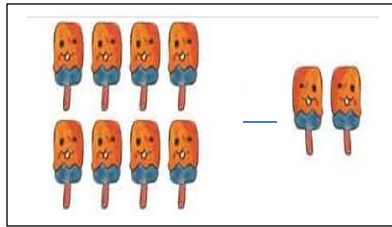
$7 - 3 = \dots\dots$

$4 + 6 = \dots\dots$

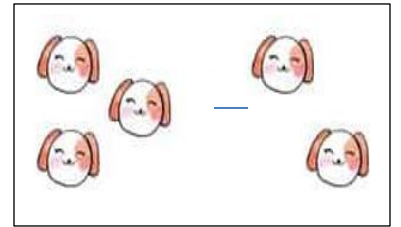
Câu 2: Viết phép tính thích hợp



$\square - \square = \square$



$\square - \square = \square$



$\square - \square = \square$

Câu 3: Điền $>$ $<$ $=$

$10 \dots 3 + 4$

$8 \dots 2 + 7$

$7 \dots 7 - 1$

$9 \dots 7 + 2$

$10 \dots 1 + 9$

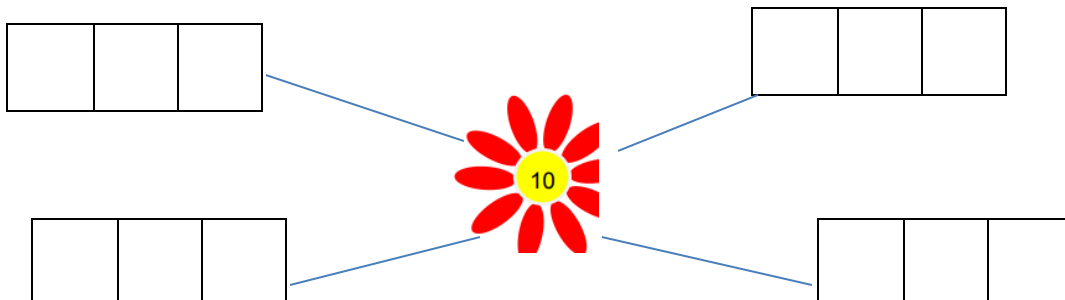
$2 + 2 \dots 4 - 2$

$6 - 4 \dots 6 + 3$

$5 + 2 \dots 2 + 4$

$4 + 5 \dots 5 + 4$

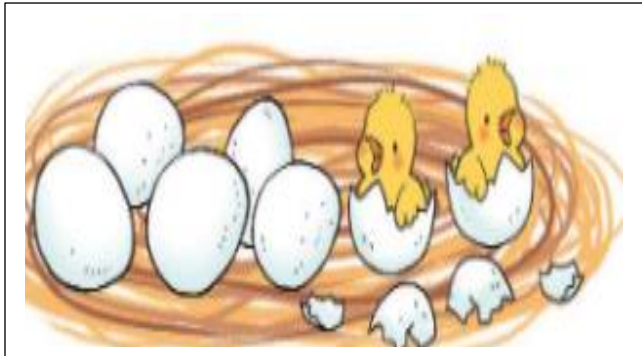
Câu 4: Viết phép tính cộng có kết quả bằng 10



Câu 5: Tính

$1 + 9 = \dots$	$2 + 8 = \dots$	$3 + 7 = \dots$	$4 + 6 = \dots$	$5 + 5 = \dots$
$10 - 1 = \dots$	$10 - 2 = \dots$	$10 - 3 = \dots$	$10 - 4 = \dots$	$10 - 5 = \dots$
$6 + 4 = \dots$	$7 + 3 = \dots$	$8 + 2 = \dots$	$9 + 1 = \dots$	$10 + 0 = \dots$
$10 - 6 = \dots$	$10 - 7 = \dots$	$10 - 8 = \dots$	$10 - 9 = \dots$	$10 - 0 = \dots$

Câu 6: Quan sát tranh và viết phép tính thích hợp



$$\square - \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

Câu 7: Số

$$7 - \dots + 4 = 4$$

$$2 + \dots + \dots = 4$$

$$\dots + 5 - 6 = 4$$

$$4 - \dots + \dots = 4$$

Câu 8: Cho các số 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8. Em hãy viết các phép tính cộng có kết quả bằng 8.

.....
.....
.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 10: LUYỆN TẬP CHUNG

PHÉP TRỪ - PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

Câu 1: Tính

$0 + 4 =$

$6 + 3 =$

$3 + 6 =$

$7 + 1 =$

$5 + 1 =$

$6 + 2 =$

$7 + 1 =$

$7 + 1 =$

$9 + 0 =$

$1 + 2 =$

$1 + 9 =$

$4 + 6 =$

$3 + 7 =$

$4 + 1 =$

$6 + 2 =$

$6 + 0 =$

$4 + 3 =$

$8 + 1 =$

$9 + 1 =$

$10 + 0 =$

$5 + 3 =$

$0 + 8 =$

$3 + 6 =$

$0 + 1 =$

$5 + 1 =$

$4 + 4 =$

$7 + 2 =$

$8 + 2 =$

$9 + 2 =$

$1 + 6 =$

$5 + 5 =$

Câu 2. Tính

$6 - 0 =$

$3 - 3 =$

$4 - 1 =$

$5 - 4 =$

$8 - 8 =$

$10 - 3 =$

$4 - 4 =$

$3 - 0 =$

$5 - 3 =$

$2 - 2 =$

$3 - 0 =$

$4 - 4 =$

$2 - 1 =$

$4 - 3 =$

$5 - 5 =$

$9 - 4 =$

$8 - 6 =$

$7 - 0 =$

$8 - 4 =$

$7 - 7 =$

$9 - 5 =$

$7 - 6 =$

$5 - 1 =$

$5 - 3 =$

$6 - 3 =$

$7 - 3 =$

$7 - 6 =$

$6 - 0 =$

$9 - 7 =$

$9 - 2 =$

$8 - 8 =$

$8 - 1 =$

$8 - 3 =$

Câu 3. Tính

$6 - 3 =$

$5 + 5 =$

$1 + 5 =$

$7 - 6 =$

$7 - 1 =$

$4 + 3 =$

$8 - 5 =$

$9 + 1 =$

$7 + 3 =$

$2 + 0 =$

$3 + 5 =$

$7 - 2 =$

$8 + 1 =$

$2 - 1 =$

$9 - 5 =$

$9 - 4 =$

$7 + 3 =$

$8 - 6 =$

$7 - 7 =$

$5 + 2 =$

$6 - 4 =$

$3 + 6 =$

$9 - 4 =$

$10 - 3 =$

$7 + 2 =$

$5 + 4 =$

$10 + 0 =$

$9 - 5 =$

$4 + 2 =$

$5 + 4 =$

$3 + 6 =$

$6 + 1 =$

$8 - 2 =$

Câu 4. Khoanh vào số nhỏ nhất trong các câu sau:

A. 8, 4, 7, 1, 9

B. 8, 1, 9, 4, 7

C. 6, 3, 4, 2, 5

Câu 5. Khoanh vào số lớn nhất trong các câu sau:

A. 2, 1, 10, 5

B. 8, 4, 9, 2, 3

C. 3, 6, 9, 8, 5

Câu 6. Tính

$8 + \dots = 10$

$3 + \dots = 8$

$4 + \dots = 4$

$\dots + 2 = 5$

$\dots + 1 = 1$

$\dots + 3 = 9$

$1 + \dots = 9$

$6 + \dots = 10$

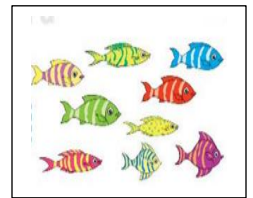
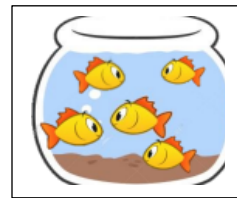
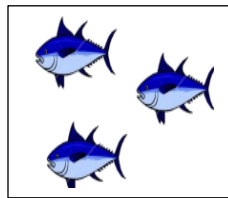
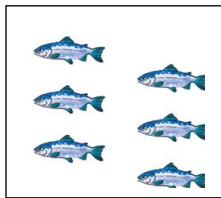
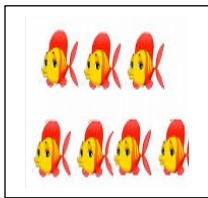
$3 + \dots = 10$

$\dots + 1 = 7$

$\dots + 8 = 8$

$\dots + 2 = 7$

Câu 7: Đánh số thứ tự từ bé đến lớn



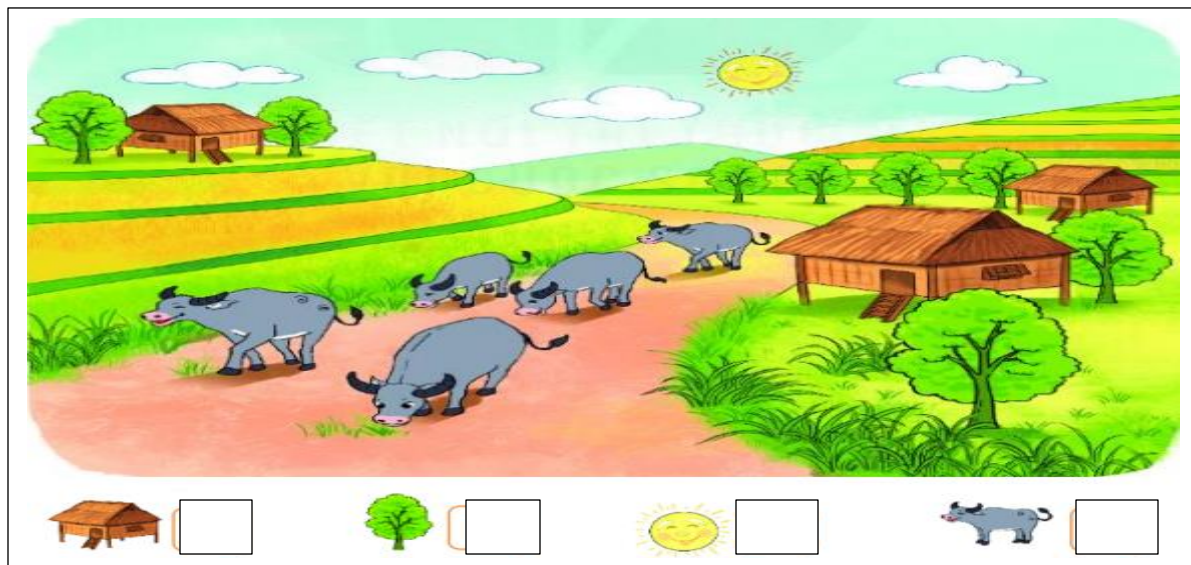
Câu 8: Từ 3 số: 2; 7; 9, hãy lập các phép tính đúng trong phạm vi 10

.....

.....

.....

Câu 9: Quan sát và viết số thích hợp vào ô trống.



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 11

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Câu 1: Điền $> < =$

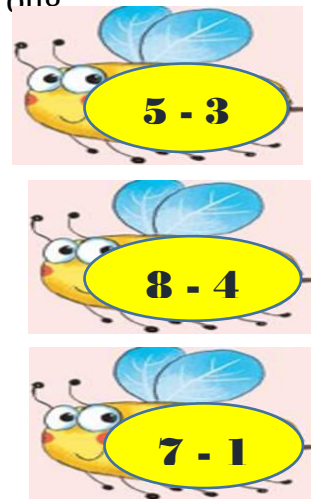
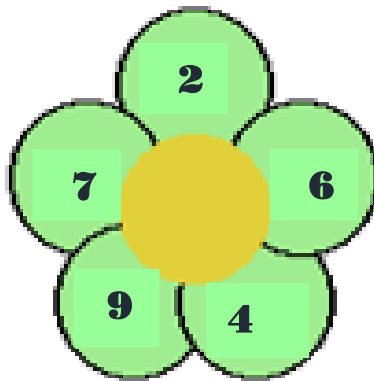
$$8 - 2 \dots\dots 6$$

$$6 - 1 \dots\dots 7 + 2$$

$$10 - 2 \dots\dots 9$$

$$5 - 0 \dots\dots 8 - 1$$

Câu 2: Nối kết quả với phép tính đúng để tìm cánh hoa cho mỗi chú ong



Câu 3:

$$10 - 2 = \square$$

$$6 - 6 = \square$$

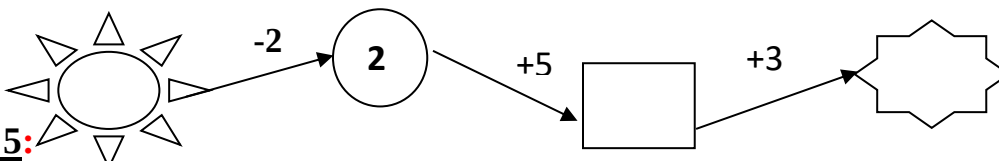
$$7 - 5 = \square$$

$$5 - 0 = \square$$

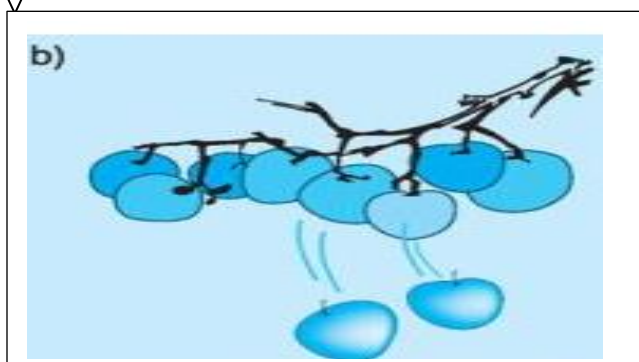
$$9 - 1 = \square$$

$$10 - 3 = \square$$

Câu 4:



Câu 5:



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 12

LUYỆN TẬP CHUNG

Câu 1: Số.

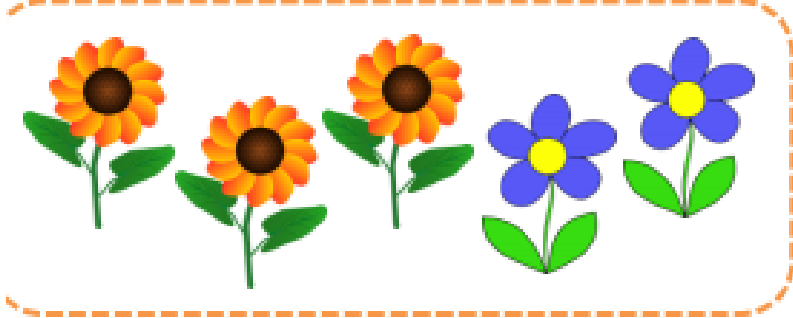
10	

9	

8	

7	

câu 2: Quan sát và viết phép tính tích hợp



Có 

Có 

Có tất cả bao nhiêu bông hoa?

$$\square + \square = \square$$

Câu 3: Phép tính đúng

A. $10 - 5 = 6$

B. $4 + 5 = 9$

C. $9 - 6 = 2$

Câu 4: Tính .

$3 + 5 = \dots\dots$

$7 - 1 = \dots\dots\dots$

$8 - 3 - 2 = \dots\dots\dots$

$2 + 6 = \dots\dots$

$4 + 4 = \dots\dots\dots$

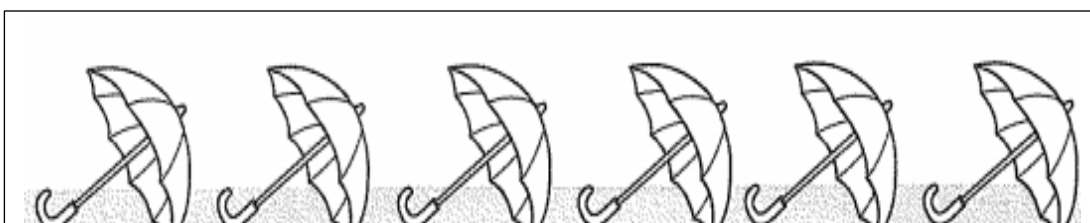
$7 + 1 - 3 = \dots\dots\dots$

$7 + 1 = \dots\dots\dots$

$10 - 9 = \dots\dots\dots$

$0 + 2 + 8 = \dots\dots\dots$

Câu 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S



- + Số cái ô là 7 chiếc
- + Số Rô – bốt là 5 bạn
- + Số cái ô nhiều hơn số bạn Rô –bốt
- + Số bạn Rô – bốt ít hơn cái ô là 3
- + Số bạn Rô – bốt ít hơn số cái ô
- + Số cái ô nhiều hơn bạn Rô – bốt là 2

Câu 6: Sắp xếp các số theo vị trí tăng dần

8 - 4	8 - 8	7 + 3	6 - 3 - 2	1 + 2 + 5
7 - 5	1 + 2 + 3	3 + 4	2 + 3 + 4	9 - 6

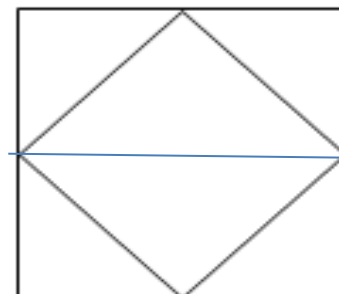
Câu 7: Có tất cả bao nhiêu số lớn hơn 2 vừa lớn hơn 6?.....

Câu 8: Quan sát và cho biết

Cóhình vuông

Có hình tam giác

Có hình chữ nhật



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 13

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

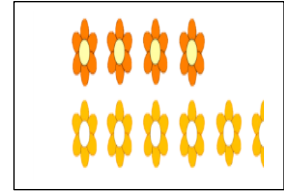
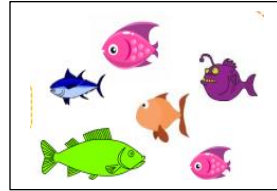
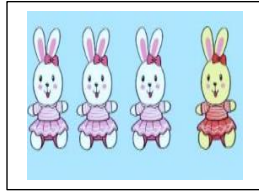
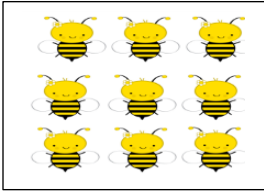
Câu 1. Điền dấu vào phép tính sau $6 + 2 \dots 10$

A. >

B. <

C. =

Câu 2: Số.



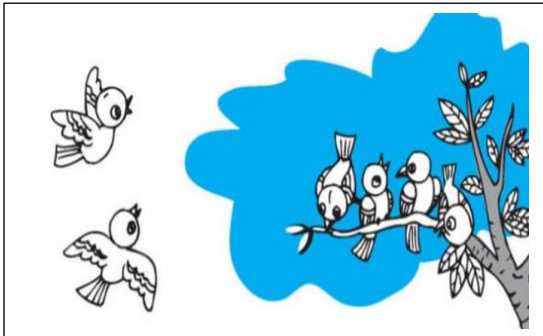
Câu 3. 8 gồm mấy và mấy ?

A. 3 và 4

B. 3 và 5

C. 3 và 3

Câu 4: Quan sát hình và viết phép tính thích hợp



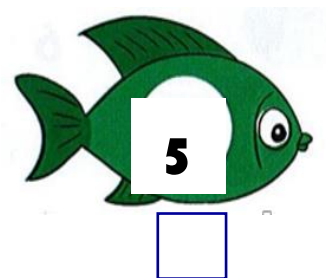
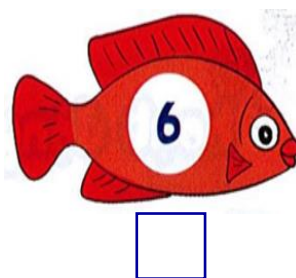
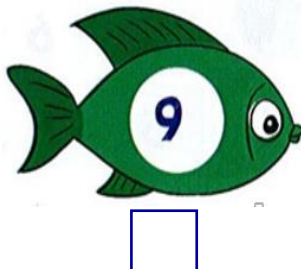
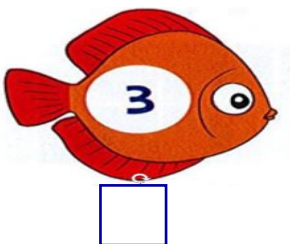
$$\square + \square = \square$$

Câu 5: Số ?

$$\begin{array}{c} \boxed{7} \xrightarrow{+3} \boxed{} \xrightarrow{-5} \boxed{} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \boxed{4} \xrightarrow{-1} \boxed{} \xrightarrow{+3} \boxed{} \end{array}$$

Câu 6: Đánh số thứ tự từ lớn đến bé



Câu 7. Kết quả của phép tính : $10 - 5 - 4 = \dots$
 A. 4 B. 1 C.3

Câu 8. Nối ?



Hình vuông	
Hình tròn	
Hình chữ nhật	
Hình tam giác	

Câu 9. Số?
 $2 + 1 = \dots$ $7 + 2 = \dots$ $9 - \dots = 0$
 $8 - 4 = \dots$ $\dots + 4 = 6$ $10 + \dots = 10$
 $7 - \dots = 2$ $\dots - 1 = 7$ $\dots - 9 = 1$

Câu 10: Từ ba số 2 , 6 , 8 em hãy lập các phép tính thích hợp.

Câu 11: Lấy số lớn nhất có 1 chữ số trừ đi 2 thì được bao nhiêu?
 A. 6 B. 8 C.7 D.9

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 14

BẢNG CỘNG, BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (TIẾP)

Câu 1: Tính

$4 + 4 = \dots\dots$

$4 - 4 = \dots\dots$

$4 + 4 - 4 = \dots\dots$

$5 + 5 = \dots\dots$

$5 - 5 = \dots\dots$

$5 + 5 - 5 = \dots\dots$

$3 + 3 = \dots\dots$

$3 - 3 = \dots\dots$

$3 + 3 - 3 = \dots\dots$

Câu 2: Quan sát tranh và điền số









Câu 3: Số.

$6 + \dots\dots = 10$

$7 - 2 - 5 = \dots\dots$

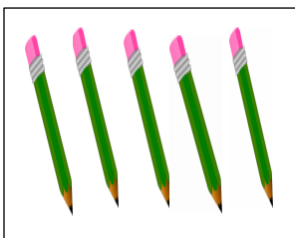
$\dots\dots - 9 = 1$

$\dots\dots - 6 - 1 = 2$

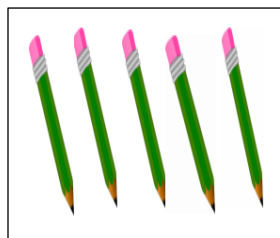
$7 - 3 = \dots\dots$

$8 - \dots\dots + \dots\dots = 10$

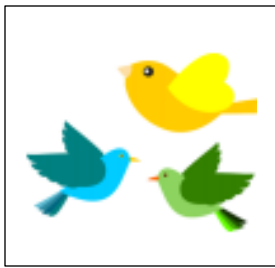
Câu 4:



+



=



+



=

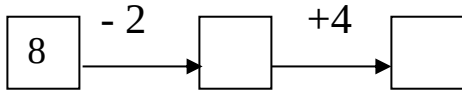
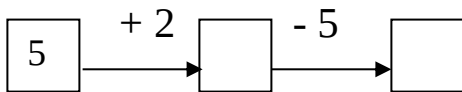


+



=

Câu 5: Số ?



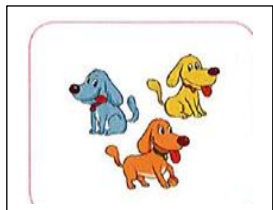
Câu 6: Viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 15: LUYỆN TẬP CHUNG

Câu 1: Nối đúng



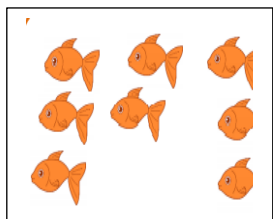
4

mười



8

bốn



10

tám



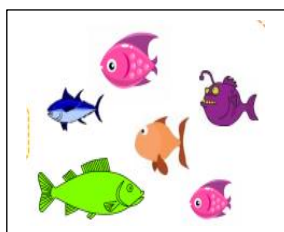
3

sáu



6

hai



2

ba

Câu 2: Em hãy viết các số chẵn :.....

Câu 3: Điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ chấm:

$2 + 6 \dots\dots 3 + 7$

$8 - 3 \dots\dots 4$

$7 + 1 \dots\dots 5 + 2$

$7 - 7 \dots\dots 0$

$10 \dots\dots 9 + 0$

$9 - 8 \dots\dots 3 - 2$

Câu 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

$5 + \dots\dots = 7 - 6 + 3$

$8 - 7 + \dots\dots = 0$

$9 - 6 + \dots\dots = 7$

$9 + \dots\dots + 1 = 10$

$2 + 4 + \dots\dots = 7 + 2 + 1$

$7 - 1 + 2 = 10 - \dots\dots$

Câu 5: Tìm cặp bằng nhau

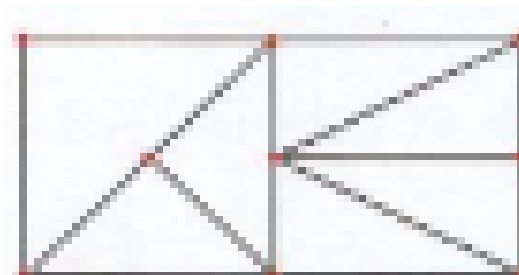
$5 + 4 - 3$ ○	$6 + 3 - 1$ ○	$6 - 2$ ○	$9 + 1$ ○
$3 + 2$ ○	$6 + 1$ ○	$4 - 3 - 1$ ○	$9 - 4$ ○
$2 + 7 - 7$ ○	$5 - 5 + 1$ ○	$5 + 4 - 1$ ○	$5 + 5$ ○

Câu 6:

+ Có hình vuông

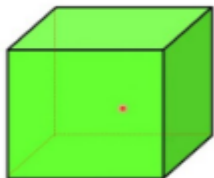
+ Có..... hình tam giác

+ Có hình chữ nhật



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 16:
KHỐI LẬP PHƯƠNG, KHỐI HỘP CHỮ NHẬT

Câu 1: Nối đúng.

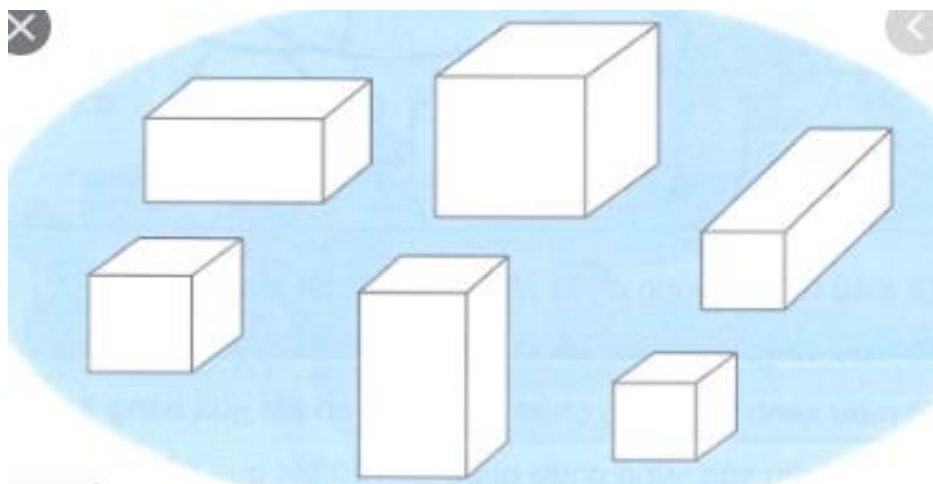


Khối hộp chữ nhật

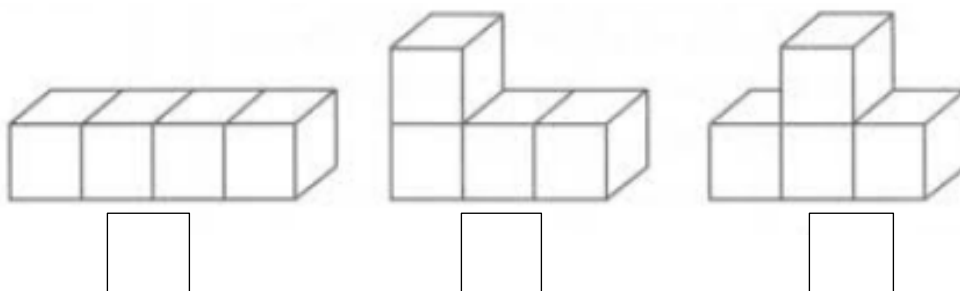


Khối lập phương

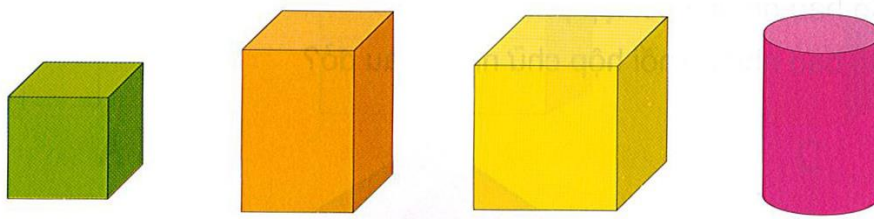
Câu 2: Em hãy tô màu xanh vào khối hộp chữ nhật. màu vàng vào khối lập phương.



Câu 3: Quan sát và cho biết có bao nhiêu khối lập phương



Câu 4:



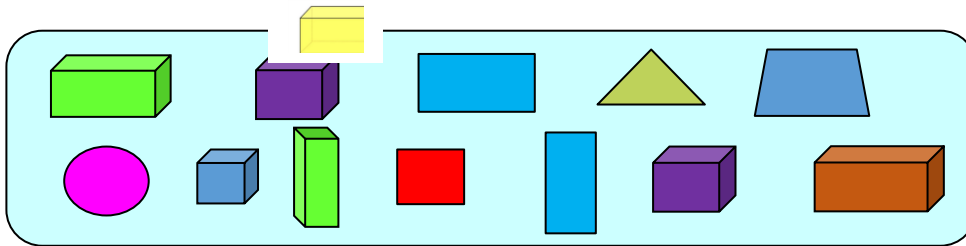
A. 3

B. 4

C. 2

D. 1

Câu 5: Có mấy khối



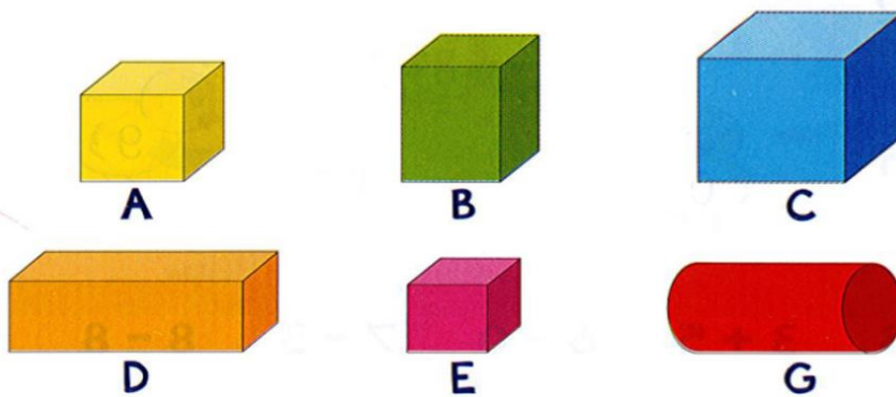
A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

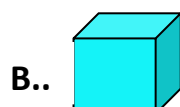
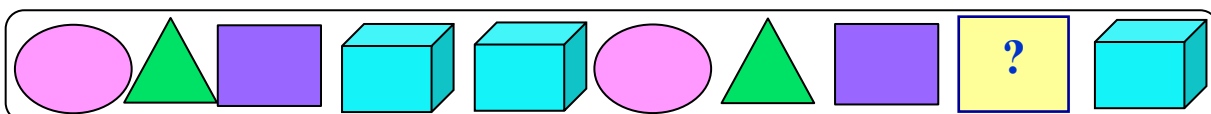
Câu 6: Quan sát hình



-Những hình nào là khối lập phương :

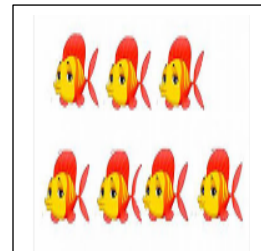
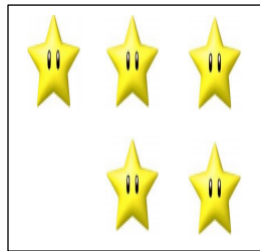
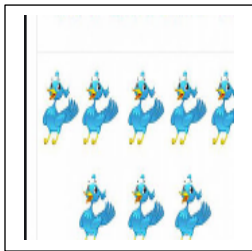
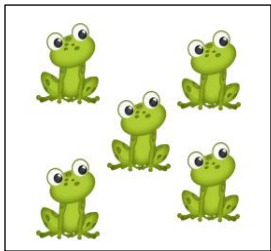
- Những hình nào là khối hộp chữ nhật:.....

Câu 7. Hình thích hợp đặt vào dấu chấm hỏi là hình nào?



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 17:
ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP TÍNH

Câu 1: Nối đúng



Câu 2: Tính

$6 + 3 = \dots\dots$

$2 + 6 = \dots\dots$

$2 + 3 = \dots\dots$

$8 - 2 = \dots\dots$

$7 - 7 = \dots\dots$

$10 - 2 = \dots\dots$

$7 + 1 = \dots\dots$

$3 + 1 = \dots\dots$

$9 - 6 = \dots\dots$

$8 - 8 = \dots\dots$

$8 - 3 = \dots\dots$

$3 + 7 = \dots\dots$

Câu 3: Nối đúng.



Câu 4: Số cần điền trong dãy số: 1 , , 3 , , 5 là:

A. 0 , 2

B. 2 , 4

C . 6 , 4

Câu 5: Kết quả của phép tính: $10 - 3 + 3 = \dots\dots\dots ?$

A. 9

B. 8

C . 10

Câu 6: Dấu cần điền ở chỗ chấm của: $8 - 4 \dots\dots 9 - 4$ là:

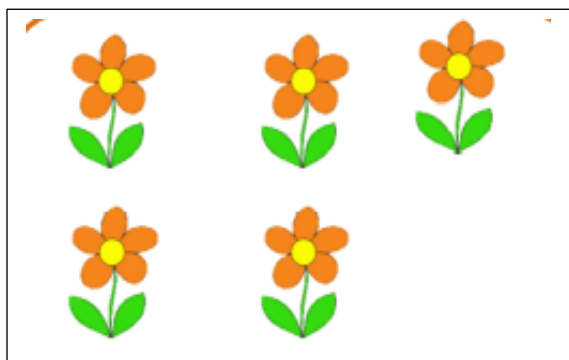
A. >

B. <

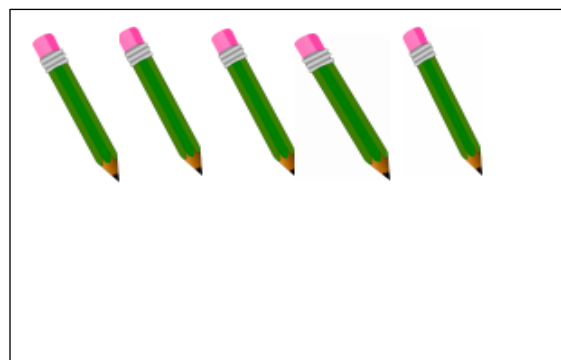
C . =

Câu 7:

Để có 6 bông hoa



Để có 10 cái bút chì



Câu 8: Điền > < =

7 8

$9 - 9 \dots\dots\dots 0$

$10 \dots\dots\dots 6 + 4$

6 6

$6 - 4 \dots\dots\dots 2 + 1$

$8 \dots\dots\dots 10 - 1$

3 2

$8 - 7 \dots\dots\dots 1 + 0$

$3 \dots\dots\dots 4 - 2$

Câu 9: Điền số.

a. Có bao nhiêu số có 1 chữ số?.....

b. Có bao nhiêu số lẻ có 1 chữ số?.....

c. Có bao nhiêu số chẵn có 1 chữ số?.....

d. Số lớn nhất có 1 chữ số là số nào?.....

e. Số bé nhất có 1 chữ số là số nào?.....

Câu 10. Với ba số: 1; 2 ; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9. Em hãy lập các phép tính cộng có kết quả

bằng 10.

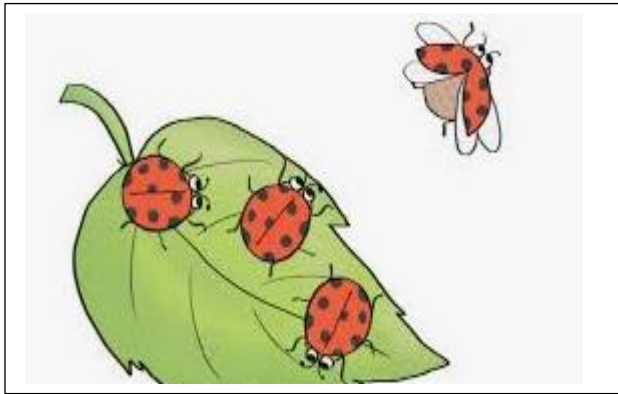
.....

.....

.....

.....

Câu 11: Quan sát và nêu phép tính phù hợp

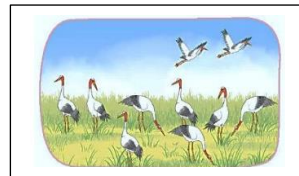
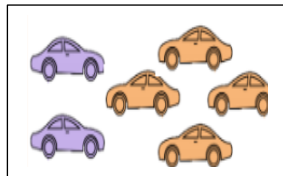
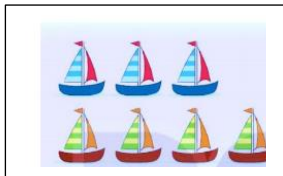
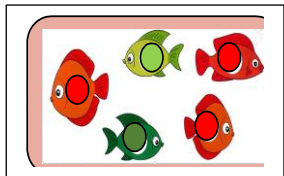


$$\square - \square = \square$$

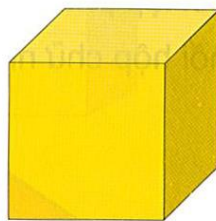
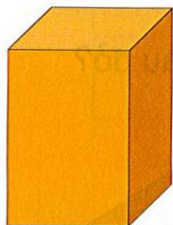
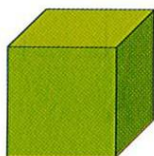
PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 18

ÔN TẬP – KIỂM TRA

Câu 1: (1điểm)



Câu 2: (1điểm) Có mấy khối lập phương?



A. 3

B. 4

C. 2

D. 1

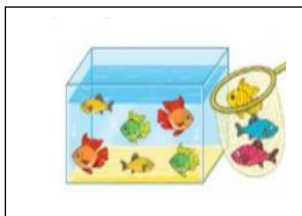
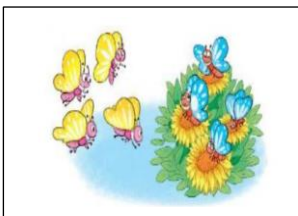
Câu 3: Điền $> < =$ (1điểm)

$$4 + 5 \quad \square \quad 3 + 7$$

$$9 \quad \square \quad 8 + 1$$

$$6 - 0 \quad \square \quad 5 + 3$$

Câu 4: (1điểm) Nối – đúng ?



$$9 - 3 = 6$$

$$6 + 1 = 7$$

$$4 + 4 = 8$$

Câu 5: (1điểm) Đánh dấu nhân vào ô trống ghi phép tính có kết quả lớn hơn 4

$6 - 0$

$8 - 5$

$4 + 3$

$0 + 3$

$10 - 1$

$9 - 9$

☐☐☐☐☐☐

Câu 6: (1điểm) Tính .

$6 + 1 - 3 = \dots\dots\dots$

$8 - 1 - 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 2 + 2 = \dots\dots\dots$

$8 - 0 + 2 = \dots\dots\dots$

Câu 7: (1 điểm) Số ?

10			7			4			1	
----	--	--	---	--	--	---	--	--	---	--

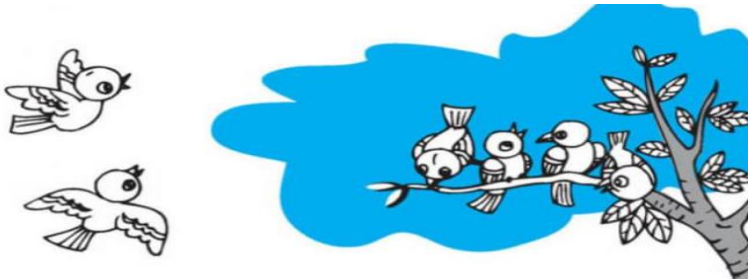
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Câu 8: (1 điểm)Viết các số 3, 0, 9, 2 , 6

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn.....

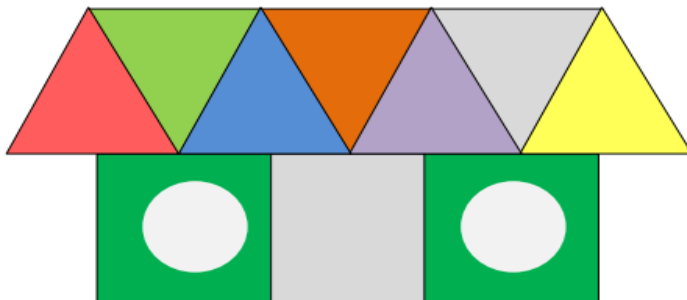
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

Câu 9: (1 điểm) Quan sát tranh rồi viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

Câu 10: (1 điểm) Khoanh tròn vào câu trả lời đúng ?



A.  7 và  3

B.  6 và  2

C.  8 và  3

